

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Hoa Yi Nonwoven ngày 23 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 92/TTr-STNMT ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoa Yi Nonwoven, địa chỉ tại Lô CN1.7, Khu công nghiệp An Phát 1, km72, đường quốc lộ 37, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy Hoa Yi Nonwoven” tại Lô CN 1.7, Khu công nghiệp An Phát 1, km72, đường quốc lộ 37, thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình, An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Nhà máy Hoa Yi Nonwoven”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN1.7, Khu công nghiệp An Phát 1, km72, đường quốc lộ 37, thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình, An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801395913 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0801395913.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vải không dệt.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3, Điều 9 của Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II, quy định tại mục số I.2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 30.000 m².

- Công suất thiết kế: 3.200 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hua Yi Nonwoven:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hua Yi Nonwoven có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hua Yi Nonwoven;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách;
- Trung tâm CNTT- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 288/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó được dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp An Phát 1, trong đó Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp An Phát 1 sẽ chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý bằng bể phốt, sau đó được dẫn bằng ống PVC D200 dài 290m; ống HDPE D200 dài 74m, độ dốc $i = 0,5\%$ chảy về hố gom sau đó bơm lên hệ thống xử lý công suất thiết kế $7m^3/ngày\ đêm$.

- Nước làm mát được đưa vào tháp giải nhiệt sau đó đưa vào bể chứa thể tích $5m^3$ để sử dụng tuần hoàn lại và không thải ra môi trường.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $7m^3/ngày\ đêm$ đạt giá trị theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) xả vào hệ thống thu nước thải và chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Phát 1.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 03 Bể tự hoại 03 ngăn, gồm các bể có thể tích $4 m^3$, $7m^3$ và $20m^3$.

- 01 Bể chứa nước làm mát: $5m^3$.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $7m^3/ngày\ đêm$:

+ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại → hố gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga nước thải đầu ra (Nước thải sau

xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp An Phát 1 - mức B QCVN 14:2008/BTNMT) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN An Phát 1.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống: Bể gom 3,78m³; bể điều hòa: 5,3m³; bể thiếu khí: 5,3m³; bể hiếu khí: 6,36m³; bể lắng: 3,74m³; bể khử trùng: 1,25m³; bể chứa bùn: 1,2m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B định mức 3g/1 m³ nước thải.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật. Bố trí cán bộ chuyên ngành môi trường giám sát các công trình bảo vệ môi trường.

- Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hỏng.

- Trang bị thiết bị dự phòng đối với các thiết bị máy móc có nguy cơ hỏng cao như máy bơm, bao, van, thiết bị sục khí... để kịp thời thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu nổi sẽ tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống bể xử lý. Trường hợp không kịp thời khắc phục, Công ty sẽ thông báo tình trạng cho Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 hoặc ký hợp đồng chuyển giao nước thải với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian tối đa trong vòng 6 tháng từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 7m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn);

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm Theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1. Không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp An Phát 1.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 288/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn phát sinh bụi, từ hoạt động sản xuất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau 01 hệ thống xử lý bụi.

2.1. Vị trí xả khí thải

Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

Ổng thoát khí của hệ thống xử lý khí thải: $X(m) = 2325299$; $Y(m) = 588033$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải tối đa: $100.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Gián đoạn theo chế độ làm việc của dây chuyền sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất vô cơ, mức B (với $K_p=0,9$; $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom bụi từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi

- Bụi từ các vị trí sản xuất: Khu vực mở kiện, máy làm đều bông, chải màng được thu gom bằng đường ống thu về thiết bị lọc bụi.

- Khí sạch sau khi xử lý được thoát ra ngoài bằng ống thoát khí cao 8m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Đường ống dẫn khí → thiết bị lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 100.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

+ Ống dẫn bụi: Ống D300, D450mm, dài khoảng 1.200m, thép CT3.

+ Quạt hút: Công suất 0,3 - 0,75kW; Lưu lượng 40.000 -100.000m³/h.

+ Thiết bị lọc bụi: Kích thước: DxRx H=9.560×2.000x 2.422 (mm).

+ Ống xả: Vật liệu tôn hộp, kích thước 1400 x 1700mm; chiều cao 8m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị trong hệ thống.

+ Định kỳ kiểm tra chất lượng khí thải sau xử lý.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng.

+ Tập huấn kỹ thuật và an toàn trong vận hành hệ thống xử lý bụi nhân viên.

+ Trước khi vận hành, tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống.

- Biện pháp ứng phó:

Khi xảy ra sự cố, nhân viên vận hành sẽ lập tức tạm ngừng hoạt động của hệ thống, ngắt các thiết bị điện và báo cáo lên lãnh đạo tìm ra nguyên nhân gây sự cố để sửa chữa, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian tối đa trong vòng 6 tháng từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi công suất 100.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu khí thải tại ống thải của hệ thống xử lý bụi của dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- 01 ngày/lần (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi thải của nhà máy.

3.3. Công ty TNHH Hoa Yi Nonwoven chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 288/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Dây chuyền sản xuất vải không dệt.
- Nguồn số 02: Quạt hút của thiết bị lọc bụi sợi.
- Nguồn số 03: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° .

+ Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2325286; Y(m) = 588006.

+ Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2325299; Y(m): 588033.

+ Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2325298; Y(m): 588034.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 288/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg/năm	20
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	Kg/năm	5
3	Bao bì nhựa có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Kg/năm	3
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	Kg/năm	2
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	Kg/năm	170
Tổng				Kg/năm	200

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bao bì nhựa, Nilon	Rắn	18 01 06	Kg/năm	300
2	Giấy, bao bì giấy	Rắn	18 01 05	Kg/năm	500
3	Bao bì gỗ (pallet gỗ)	Rắn	18 01 07	Kg/năm	2.000
4	Giẻ lau, găng tay không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 02	Kg/năm	100
5	Hộp mực in thải (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu)	Rắn	08 02 08	Kg/năm	10
6	Vải, sợi lõi hỏng và từ máy thu bụi sợi	Rắn	12 09 09	Kg/năm	3000
Tổng				Kg/năm	5.810

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khoảng 13,3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Mỗi loại chất thải chứa 01 thùng chứa riêng, loại 100lit/thùng

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Kho chứa chất thải rắn được xây dựng giáp hệ thống xử lý nước thải. Trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa dung tích 100 lít.

2.2.2. Kho/Khu vực lưu chứa

- Diện tích 30m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho chứa chất thải rắn được xây dựng giáp hệ thống xử lý nước thải.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa dung tích từ 10 đến 20 lít đặt tại khu vực sân đường nội bộ, văn phòng, nhà vệ sinh, nhà xưởng và thùng chứa dung tích 120 lít để tập kết chất thải.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Không bố trí.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

- Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 288/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.